

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG AN KHÁNH PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG AN KHÁNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110838179

**3. Ngày thành lập:** 17/09/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 36, ngõ 71 đường Cộng Hòa, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974054698

Fax:

Email: katektt2024@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4101        |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                           | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                     | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                 | 4229        |
| 5.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                        | 4299        |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4311        |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4312        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                             | 4321(Chính) |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                    | 4329        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                             | 4322        |
| 12. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn mỹ phẩm. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ dược phẩm) | 4649        |
| 13. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                            | 4653        |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                   | 4659        |
| 15. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ mua bán vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                   | 4662        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn gỗ cây, tre, nứa; Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; Bán buôn sơn và véc ni; Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; Bán buôn kính phẳng; Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn bình đun nước nóng; Bán buôn thiết bị vệ sinh như: Bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...; Bán buôn dụng cụ cầm tay: Búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663 |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4669 |
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4690 |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4752 |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4759 |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: hoạt động giao nhận hàng hoá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5229 |
| 23. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn thiết kế nội, ngoại thất; Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7110 |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội-ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: TẠ THỊ QUYÊN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/09/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001194022331

Ngày cấp: 11/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 36, ngõ 71 đường Cộng Hòa, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TẠ THỊ QUYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/09/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001194022331

Ngày cấp: 11/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ngãi Cầu, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 36, ngõ 71 đường Cộng Hòa, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội